

Chương 18

THÁNH MẪU LIỄU HẠNH

Quyên ngồi bên bàn làm việc, mở máy tính và đọc lại những dòng tài liệu về Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một trong Tứ bất tử của người Việt: Tản Viên Sơn Thánh là vị thần núi Tản Viên Ba Vì, tượng trưng cho ước vọng chinh phục tự nhiên; Phù Đổng Thiên Vương hay Thánh Gióng tượng trưng cho tinh thần chống ngoại xâm và sức mạnh của tuổi trẻ; Chử Đồng Tử hay Chử Đạo Tử tượng trưng cho lòng hiếu nghĩa, hôn nhân và sự giàu có; Mẫu Liễu Hạnh tượng trưng cho cuộc sống tinh thần, đức hạnh, trí tuệ gắn với triết lý về tình thương yêu như của người mẹ.

Quyên tin rằng truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh là một kỳ tích văn hóa và là một tuyệt tác về tài năng sáng tạo của người Việt trong quá trình giữ nước và dựng nước.

Có rất nhiều truyền thuyết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh, vị Giáo chủ của đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ.

Tín ngưỡng thờ Mẫu là một phần của Thần đạo Việt Nam, là tín ngưỡng tôn thờ Mẫu thần; có nguồn gốc lịch sử và xã hội sâu xa, không chỉ đề cao vai trò của người phụ nữ, mà còn trở thành một trong những yếu tố văn hóa cốt lõi về tình thương yêu như của người mẹ, trải ra đủ rộng, thấm vào đã sâu trong xã hội; một trong cội nguồn những điều tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Những văn bản ghi chép về Tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam thường xuất phát từ huyền thoại, truyện kể dân gian và đồng thời cũng có hiện tượng ngược lại là huyền thoại hóa, dân gian hóa các văn bản thần tích, thần phả. Một số trường hợp là sáng

tác thêm vào những truyền thuyết đã có, cho phù hợp với những tư tưởng, triết lý đương thời.

Từ các truyền thuyết về Tín ngưỡng thờ Mẫu, người dân sáng tác truyện, thơ, bài hát, điệu múa, trang phục, nghi lễ để lan truyền rộng rãi và lưu truyền cho các thế hệ tiếp sau. Tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam, sau một thời gian dài bị ảnh hưởng của Phật Giáo và Đạo giáo, một phần bị thu hẹp, ví dụ như tín ngưỡng thờ Tứ Pháp, một phần phát triển đạt đến mức "Đạo" vào thế kỷ XV - XVII, thay thế dần Đạo giáo Trung Hoa.

Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ có rất nhiều nghi thức, từ lễ phục, âm nhạc, hầu đồng, rước Mẫu, thỉnh kinh, rước đuốc đến lễ hội gắn với nghi lễ cầu mưa thuận, gió hòa, quốc thái dân an đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, quốc gia; cầu tài, cầu lộc, cầu sức khỏe đáp ứng nhu cầu của đời sống thường nhật... là một trong những thành tố đặc sắc của văn hóa Việt Nam.

Đạo Mẫu Tam Phủ của người Việt có nét riêng về: Quan niệm tự nhiên, Cách sắp đặt thờ tự và Thực hành tín ngưỡng...

Hệ thống Tam phủ hay quan niệm về tự nhiên và vũ trụ bao gồm: Thiên Phủ, miền trời; Nhạc Phủ, miền rừng núi; Thủy Phủ, miền sông nước. Đây là những lĩnh vực quan trọng nhất của một xã hội nông nghiệp. Cai quản Thiên Phủ có Mẫu Thượng Thiên, làm chủ các quyền năng mây, mưa, sấm, chớp tương tự như Tứ Pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Cai quản Nhạc phủ có Mẫu Thượng Ngàn, trông coi miền rừng núi, ban phát của cải cho chúng sinh. Cai quản Thủy Phủ có Mẫu Thoải, trị vì các miền sông nước, giúp ích cho nghề trồng lúa nước và ngư nghiệp.

Hệ thống Tứ Phủ gồm hệ thống Tam Phủ có thêm Địa Phủ. Cai quản Địa Phủ là Mẫu Địa, quản lý đất đai, là nguồn gốc cho mọi sự sống. Trong nhiều trường hợp Địa Phủ và Nhạc Phủ là một; Tứ Phủ và Tam Phủ là một.

Đạo Mẫu là một trong những tín ngưỡng Thần Đạo Việt Nam đã dung hòa nhiều yếu tố tôn giáo ngoại nhập của Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng của các vùng miền nên hệ thống thần linh trong Đạo Mẫu Tam Phủ rất đông đảo, song được phân chia thành các cấp bậc thờ tự rõ ràng:

Hàng thứ nhất: Trên cùng là Phật Thích Ca, Quan Âm Bồ Tát hay Phật Bà Quan Âm, hai bên có Kim Đồng, Ngọc Nữ hầu cận.

Hàng thứ hai: Tam vị đức vua, còn gọi là Ba vị vua cha hay Tam Phủ ba vua gồm: Vua Cha Thiên phủ, Ngọc Hoàng Thượng Đế là cao nhất, có ban thờ riêng, hai bên Ngài là Quan Nam Tào và Quan Bắc Đẩu; Vua Cha Nhạc Phủ, Tản Viên Sơn Thánh; Vua Cha Thoải Phủ, Bát Hải Long Vương.

Hàng thứ ba: Tam tòa Thánh Mẫu: Mẫu đệ nhất Thượng Thiên hay Mẫu Liễu Hạnh, ngồi chính giữa với trang phục màu đỏ; Mẫu đệ nhị Thượng Ngàn ngồi bên phải với trang phục màu xanh; Mẫu đệ tam Thoải Cung ngồi bên trái với trang phục màu trắng.

Tiếp đó là Hàng Quan; Hàng Châu bà; Hàng ông Hoàng; Hàng Cô; Hàng Cậu; Hàng Ngũ Hổ và 2 vị Thanh xà, Bạch xà Đại Tướng quân.

Sự khác nhau về số lượng các vị thần trong từng hàng (quan, châu bà, ông hoàng, cô, cậu) do khác biệt trong quan niệm ở các vùng miền. Các thần linh Tam Phủ có nguồn gốc không chỉ là người Kinh mà còn thuộc các dân tộc ít người như Tày, Nùng, Dao, Champa, Khmer, Hoa....

Trong Đạo Mẫu, tín đồ tập trung thờ tự và sinh hoạt tín ngưỡng xoay quanh hàng thứ ba, Tam tòa Thánh Mẫu trở xuống.

Đạo Mẫu theo chân người Việt di cư vào Nam trong quá trình mở mang bờ cõi. Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt đã giao thoa, tiếp biến với các tục thờ Mẫu của người Champa, người

Khmer. Từ đó tạo nên các dạng thức địa phương của Tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam ở cả ba miền Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Năm 2016, Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa Phi vật thể đại diện của nhân loại.

Song từ lâu, trong Quyên luôn có một câu hỏi và không có câu trả lời một cách thỏa đáng:

- Thế kỷ XVII mới xuất hiện hình tượng Thánh Mẫu Liễu Hạnh, là vị thánh thứ tư của người Việt. Ai và tổ chức nào đã sáng tạo ra hình tượng Thánh Mẫu Liễu Hạnh ?

Nghĩ ra điều gì đó, Quyên gọi điện cho Tuấn Anh, hẹn buổi tối đến nhà.

*

* *

Quyên ngồi tiếp tục đọc kỹ về Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Theo truyền thuyết, Bà vốn là con gái thứ hai của Ngọc Hoàng Thượng Đế, 3 lần giáng trần.

Lần đầu tiên, Bà giáng trần vào năm 1434 (thời vua Lê Thái Tông, trị vì năm 1433 - 1442) vào gia đình họ Phạm tại thôn Quảng Nạp, xã Vi Nhuế, huyện Thái An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam, nay là huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, được cha mẹ đặt tên là Phạm Tiên Nga. Bà trở về thượng giới năm 1473, vào năm 40 tuổi. Sau khi Bà mất, dân đã lập đền thờ, gọi là Phủ Quảng Cung, thuộc xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, Nam Định.

Lần thứ hai, Bà giáng trần vào năm 1557 (thời vua Lê Anh Tông, trị vì năm 1556 - 1572) vào gia đình họ Lê tại thôn An Hải, xã Thiên Hương - Vân Cát, huyện Thiên Bản, hạt Sơn Nam Hạ, nay là xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, Nam Định, được cha mẹ đặt tên là Lê Giáng Tiên. Lần giáng trần này cách lần trước vào khoảng 120 năm. Bà kết duyên với ông họ Trần, sinh được một

traí và một gái. Bà trở về thượng giới năm 1577, vào năm 21 tuổi. Sau khi mất, lăng mộ và đền thờ Bà được lập ở Phủ Dầy, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, Nam Định.

Lần thứ ba, Bà giáng trần vào năm 1650 (thời vua Lê Thần Tông, trị vì năm 1619 - 1643 và năm 1649 - 1662) vào gia đình họ Hoàng tại xã Phú Long, huyện Nho Quan, Ninh Bình (truyền thuyết khác cho rằng Bà giáng trần tại xã Hà Thái, Hà Trung, Thanh Hóa), được cha mẹ đặt tên là Hoàng Thị Trinh. Lần giáng trần này cách lần trước khoảng 100 năm. Bà kết duyên với ông họ Mai, sinh được một trai. Bà trở về thượng giới năm 1668, vào năm 18 tuổi. Sau khi Bà mất, người dân lập phủ thờ Bà và con trai (Phủ Đồi Ngang hay Phủ Cậu bé Đồi Ngang) tại xã Phú Long, huyện Nho Quan, Ninh Bình (và tại Phủ Tây Mỗ tại xã Hà Thái, huyện Hà Trung, Thanh Hóa).

*

* *

Có tiếng gõ cửa phòng, Quyên ra mở cửa đón Tuấn Anh.

Tuấn Anh vào phòng. Điều đầu tiên là đưa mắt tìm kiếm con mèo. Như mọi khi, thấy Tuấn Anh nó nhảy lên nóc tủ nằm và từ đó nhìn xuống.

Cả hai vào ngồi bên bàn làm việc. Quyên mở lời:

- Em đang đọc về Thánh Mẫu Liễu Hạnh, có một số ý muốn trao đổi với anh.

- Lại có ý tưởng mới à?.

- Anh có biết về Thánh Mẫu Liễu Hạnh không?

- Biết chứ, anh đã đến tháp hương Phủ Tây Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội nhiều lần. Phủ này thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

- Anh có biết Thánh Mẫu Liễu Hạnh là một trong Tứ Bất Tử của người Việt không?

- Có, anh có biết.

- Vậy có câu hỏi đây. Quyên tiếp tục:

- Ba vị thánh đầu tiên đều xuất hiện vào thời vua Hùng (vương triều Văn Lang, truyền được 18 đời, tồn tại đến năm 258 trước Công nguyên). Mẫu Liễu Hạnh xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1434, vào thời vua Lê Thái Tông (trị vì năm 1433 - 1442). Như vậy, phải sau 1700 năm, người Việt mới bổ sung thêm cho mình một vị thánh thứ tư. Tại sao như vậy?

- Đúng là một câu hỏi phải đặt ra. Thậm chí trước đó còn có Đức thánh Trần Hưng Đạo (năm 1228 - 1300). Song ông không được liệt vào Tứ Bất Tử. Có thể Tứ Bất Tử chỉ dành cho những nhân vật truyền thuyết.

Quyên tiếp tục đặt câu hỏi:

- Vậy ai đã nghĩ ra truyền thuyết thật đặc sắc này, mà lại thuyết phục được cả triệu người dân Đại Việt, từ các vị vua, thiền sư Phật giáo, quan lại, trí sĩ và nhiều người dân tin theo?

- Đúng, nếu là bây giờ, thì người ta sẽ hỏi: Bằng chứng đâu? Cơ sở khoa học nào để chứng minh được người này là người của một trăm năm trước đầu thai? Tuấn Anh tiếp lời.

Quyên tiếp tục:

- Em đọc cho anh nghe một vài lý giải:

Tín ngưỡng thờ Mẫu bản địa đã có từ thời xa xưa gắn với sự tích: Lạc Long Quân (nòi Rồng, Lạc Việt) và Âu Cơ (giống Tiên, Âu Việt) có phúc lành sinh trăm con trai, nở ra từ "*Bọc trăm trứng*". Khi các con trưởng thành, 50 người con theo Cha Lạc Long Quân xuống biển, 50 người con theo Mẹ Âu Cơ lên núi. Mẹ Âu Cơ đưa người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang, đóng đô tại Bạch Hạc, Phú Thọ. Đó là vào thế kỷ thứ VII trước Công nguyên. Mẹ Âu Cơ được gọi là Quốc mẫu Âu Cơ. Thời bấy giờ, nước Văn Lang ngoài tín ngưỡng thờ Mẫu, có lẽ chỉ cần ba vị Thánh bất tử.

Vào cuối thời Hùng Vương, thế kỷ III - thế kỷ II trước Công nguyên, Đạo Phật đã du nhập vào Việt Nam. Thời kỳ này, tín ngưỡng của người Việt có thêm Tứ Pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện, là một dạng thờ thần Mẫu liên quan đến tín ngưỡng thờ phụng tự nhiên gắn với hoạt động nông nghiệp.

Vào thời kỳ Bắc thuộc, các triều đại Trung Quốc không ngừng thực hiện đồng hóa người Việt, nhằm biến Việt Nam thành quận huyện, thông qua việc truyền bá văn minh Trung Hoa: Chữ Nho, Đạo Khổng và Đạo Lão.

Thời nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Đạo Phật ngày càng có vai trò quan trọng, được coi là Quốc giáo. Sau này, các tôn giáo ngoại nhập như Đạo Phật, Đạo Khổng, Đạo giáo, dạng "*Tam giáo đồng nguyên*" từ phương Bắc đã dần lấn át tôn giáo, tín ngưỡng bản địa.

Song lịch sử cũng cho thấy, Đạo Phật, Đạo giáo ít có vai trò khi đất nước bị nạn ngoại xâm.

Một vị vua nhà Trần là Trần Nhân Tông (trị vì năm 1278 - 1293) còn mong muốn lập ra một thiền phái mới, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Thiền phái này gắn với Chùa Vĩnh Nghiêm, Yên Dũng, Bắc Giang, ngôi chùa nổi tiếng với Mộc bản kinh Phật (được công nhận là Di sản ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương, năm 2012).

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mong muốn thống nhất các thiền phái tồn tại trước đó và đưa toàn bộ giáo hội Phật giáo đời Trần về một mối, điều chỉnh Đạo Phật trở thành dạng tôn giáo chính thức của Đại Việt, song không thành công, chỉ tồn tại đến cuối nhà Trần (thế kỷ XIV).

Vào thời Hậu Lê, truyền thuyết về việc Rùa Thần cho mượn kiếm để đánh giặc Minh Trung Quốc là ví dụ tiêu biểu cho nhu cầu phục hưng Thần đạo Việt Nam để gắn kết cộng đồng, khơi dậy nguyên khí và sức mạnh quốc gia. Tiếp đó, Thần đạo Việt

Nam, cùng với ngôn ngữ - chữ Nôm, cũng phải đủ mạnh, tương xứng với sức mạnh quân sự để mở mang bờ cõi về phương Nam; không chỉ thống nhất về đất đai mà còn phải thống nhất cả về văn hóa.

Có lẽ từ nhu cầu xã hội to lớn đó mà các vị tinh hoa của dân tộc Việt đã sáng tạo ra một vị thánh Tứ bất tử mới - Thánh Liễu Hạnh.

Đây không phải là một vị thánh mang tính cá nhân như 3 vị thánh trước, mà là vị Giáo chủ của một tổ chức - Đạo Mẫu, khởi nguồn từ một tín ngưỡng bản địa mạnh mẽ, để phục hưng và mở rộng văn hóa Đại Việt và là một cơ sở cho việc lựa chọn hiền tài cấp quốc gia cho một giai đoạn mới.

Mặc dù kế thừa tín ngưỡng thờ Mẫu trước đó, song Đạo Mẫu không hình thành ngay trong một thời điểm mà kéo dài suốt 3 thế kỷ, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII, gắn với ba kiếp đời của vị giáo chủ. Một thời gian dài để Đạo Mẫu định hình trong xã hội và có đủ tầm cấp để tương xứng với các tôn giáo ngoại nhập khác.

- Đây là truyền thuyết được nhiều người biết tới. Song em lại có một suy luận khác. Quyên dừng lại nhìn Tuấn Anh và nói tiếp:

- Em nhớ có lần thầy đã nói: Chính người hiền tài là những người quản lý kho báu.

Cô bảo:

- Ban đầu, khi Đạo Phật còn có vai trò quan trọng với chính thể, thậm chí còn tạo thành một cặp bài trùng Chính trị - Tôn giáo trong việc tạo lập các vương triều mới. Ví như vai trò của sư Vạn Hạnh (năm 938 - 1018), là một tri thức Phật giáo, làm cố vấn cho vua Lê Đại Hành và là thầy của Lý Công Uẩn. Ông cũng được xem là một nhà tiên tri, góp phần đưa Lý Công Uẩn lên ngôi, mở ra triều Lý, một triều đại lâu dài đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Một vị thiền sư nổi tiếng nữa là Nguyễn Minh Không (năm 1065 - 1141), người làng Gia Viễn, thuộc Cổ đô Hoa Lư, Ninh Bình. Cũng như thiền sư Vạn Hạnh, trong dân gian lan truyền nhiều truyền thuyết về thiền sư Minh Không. Ví như: Ông là một người hết sức to lớn, sức khỏe phi thường, muôn người không địch nổi. Ông sang Trung Quốc chữa bệnh cho con vua Tống. Khi công việc tốt đẹp, vua muốn trả ơn. Nhà sư chỉ xin một ít đồng đen cho vào tay nải. Vua Tầu đồng ý cho thiền sư tự ý vào kho lấy đồng. Thiền sư đã lấy tất cả đồng đen trong kho bỏ vào tay nải và thả nón làm thuyền, quay về nước Nam. Về đến Thăng Long, ông dùng số đồng đó để đúc bảo khí, liên quan đến kho báu của người Việt. Dân gian còn tôn vinh Thiền sư là Ông tổ nghề Đúc đồng và cũng là Ông tổ nghề Đông y.

Các vị thiền sư với sự hiểu biết và cống hiến hết mình cho xã hội, chính là những người hiền tài quản lý kho báu quốc gia hoặc có trách nhiệm tìm kiếm những người hiền tài quản lý kho báu quốc gia. Sau này, vai trò của Phật giáo giảm dần, để lộ khoảng trống trong quản lý kho báu.

Vào cuối đời Trần, năm 1378, quân Chiêm Thành từ phía Nam tấn công ra Bắc, chiếm cả kinh thành Thăng Long. Vì lo sợ giặc cướp, vua Trần Phế Đế đã hai lần sai người mang tiền vàng đi giấu. Sách Đại Việt sử ký toàn thư viết: *“Tháng 9/1379, vua sai quân dân chở tiền đồng giấu vào núi Thiên Kiện. Mùa đông, tháng 10, giấu tiền vàng ở khám Khả Lãng thuộc Lạng Sơn, vì sợ nạn người Chiêm đốt cung điện”*. Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: *“Thiên Tử có cả bốn biển, kho tàng phủ khắp đâu chẳng phải là của mình. Đương khi nước nhà nhàn hạ thì làm tỏ chính mình, sửa sang lễ nghĩa... Thế mà sợ nạn Chiêm Thành đốt cướp, đem chở tiền của giấu tận hang cùng núi thẳm, làm kế tránh giặc, thực là như giặc đến, chuốc lấy tiếng cười chê của đời sau”*.

Điều này có thể đưa đến nhận định rằng, vua nhà Trần đã không còn niềm tin với giới tu hành Phật giáo trong việc coi giữ kho báu nữa. Cho rằng, để hạn chế bớt sự lấn át, bất cập, nhà Trần đã tự mình tổ chức cất giấu, chẳng khác gì nhà Nguyễn sau này.

Đạo Mẫu Tam Phủ bắt đầu hình thành vào thế kỷ XV, có thể như là một mong muốn của giới tinh hoa nhằm lấp đầy khoảng trống này, trước hết là hỗ trợ tìm kiếm người hiền tài quản lý kho báu. Thánh Mẫu Liễu Hạnh hoàn toàn có đủ cả quyền lực, hiểu biết và trách nhiệm để thực hiện việc này.

Cô dừng lại một chút và tiếp tục:

- Đây có thể là lý do để giải thích: Tại sao, ngoài đền, phủ trong Đạo Mẫu tồn tại độc lập, hầu như trong chùa nào cũng có điện thờ Mẫu, không phải với tư cách là Mã Vàng Bồ Tát mà với tư cách là Thánh Mẫu Liễu Hạnh với trang phục màu đỏ.

Quyên vừa đặt câu hỏi vừa tự trả lời:

- Không biết với chức phong Mã Vàng Bồ Tát có liên quan đến vàng, biểu tượng về của cải hay không? Việc quản lý kho báu có thêm vai trò của người phụ nữ sẽ trở nên cần trọng hơn. Việc này cũng đã được dân gian công nhận như đền Bà Chúa Kho tại Bắc Ninh và tại nhiều địa danh khác.

- Cũng là một cách giải thích!. Tuấn Anh nói thêm vào.

Quyên tiếp tục:

- Còn một vấn đề nữa mà em đang suy nghĩ. Tiền nhân không phải tìm người để quản lý mà còn tìm người người canh giữ kho báu trước sự nhòm ngó của các thế lực đến từ bên ngoài. Câu chuyện buồn về Tứ Đại Khí của người Việt bị người Trung Quốc phá hủy; câu chuyện về người Tàu đập phá tháp Sùng Thiện Diên Linh tại Chùa Đọi Sơn và các chùa, đền, đình khác. Đường như người Tàu không đoái hoài hay không sợ gì

những vị thần đất Việt. Có thể họ cho rằng đã yểm bùa làm tê liệt sức mạnh các vị thần, hoặc họ nghĩ rằng các vị thần của người Việt quá nhỏ bé và không đủ đông, đủ mạnh, đủ hùng hậu để thực thi sứ mệnh.

- Đúng như vậy!. Tuấn Anh thêm vào.

- Người Tàu dường như không sợ gì "*Tam bất tử*" của người Việt. Họ không ngại thánh Sơn tinh, vì họ có rất nhiều vị thần núi, thậm chí núi còn to hơn, cao hơn so với đỉnh Ba Vì hay Tản Viên của ta (với độ cao chỉ là 1281 m so với mực nước biển). Họ có năm ngọn núi thiêng liêng (Ngũ Nhạc hay Ngũ Hành Sơn), gắn liền với tín ngưỡng và thuyết Ngũ Hành: Đông Nhạc - Thái Sơn, với đỉnh cao 1545 m; Tây Nhạc - Hối Sơn, cao 1997 m; Nam Nhạc - Hành Sơn, cao 1290 m; Bắc Nhạc - Hằng Sơn cao 2017 m; Trung Nhạc - Tung Sơn cao 1494 m.

Họ không ngại Thánh Gióng của ta, vì họ cậy đông người và nhiều loại vũ khí thiện chiến. Sau này, dù ta có thêm Đức thánh Trần Hưng Đạo, họ vẫn cất quân xâm lược với mức độ bạo tàn như Nguyễn Trãi đã viết trong Bình Ngô Đại Cáo: "*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn; Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ*".

Họ chẳng ngại gì thánh Chủ Đồng Tử, vì sự giàu có của người Việt chẳng thấm vào đâu so với của cải của họ.

- Đúng thế!. Tuấn Anh đồng tình.

Quyên tiếp tục:

- Khi các vị tinh hoa Việt tạo ra truyền thuyết về việc Lê Lợi mượn kiếm thần "*Thuận Thiên*" để đánh đuổi giặc Minh, họ vẫn để trống một khoản, là kiếm thần được mượn từ đâu: Từ Trời hay từ Thánh Gióng, vị thần chủ về đánh giặc ngoại xâm? Chắc chắn không phải mượn từ Rùa Thần.

- Đúng như vậy!. Tuấn Anh đồng thuận.

Quyên tiếp tục:

- Theo truyền thuyết, trước khi yếm bùa một huyệt đạo tại vùng đất nào đó, Cao Biền thường cho lên đồng để kêu các vị thần cai quản khu vực nhập vào đồng nam, đồng nữ, rồi sai người giết đi, như để đe dọa các vị thần. Cũng theo truyền thuyết, Cao Biền có yếm được một số huyệt đạo, song cũng bị thất bại trước nhiều vị thần linh, trong đó đáng kể nhất là "*Tân Viên Sơn Thánh*" và "*Tô Lịch Giang Thần*" (sông Tô Lịch chảy qua Hà Nội). Vị thần Tô Lịch được thờ trong đền Bạch Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đây là một trong Tứ Trấn của kinh thành Thăng Long xưa, gồm: Đền Quán Thánh, trấn giữ mặt Bắc; Đền Kim Liên, trấn giữ mặt Nam; Đền Voi Phục trấn giữ mặt Tây và Đền Bạch Mã trấn giữ mặt Đông.

Quyên nói tiếp:

- Các vị tinh hoa Việt không xuất phát bởi nhu cầu làm phong phú tinh thần từ thần thánh hóa những gì khác mình đến thần thánh hóa chính mình, mà bắt nguồn từ nhu cầu về sức mạnh quốc gia. Họ phải xây dựng cho được hình ảnh một vị thần với quyền lực mới mà người Trung Quốc phải kiêng dè. Không chỉ có diện mạo sang trọng bên ngoài mà phải có đủ nội lực ghê gớm bên trong.

Người Trung Quốc có đức tin từ Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo, tạo thành "*Tam giáo đồng nguyên*" (cả ba tôn giáo có cùng một gốc) và "*Tam giáo đồng quy*" (cả ba tôn giáo có cùng một mục đích). Nho giáo chăm lo tổ chức xã hội, Đạo giáo chăm lo thể xác con người, Phật giáo chăm lo đời sống tâm linh con người. Thánh Mẫu Liễu Hạnh phải có đủ quyền lực tương đồng theo cả ba đức tin đó.

Về quyền lực Phật giáo: Bà quy y cửa Phật, trở thành Mã Vàng Bồ Tát, vị Bồ Tát chủ về của cải;

Về quyền lực Đạo giáo: Lão Tử là chủ của Đạo giáo và cũng là một vị thần tiên tối cao của Thiên đình, Thánh Mẫu Liễu

Hạnh được cho là con gái thứ hai của Ngọc Hoàng Thượng Đế, chủ Thiên đình;

Về quyền lực Nho giáo, liên quan đến Khổng Tử với mục tiêu xây dựng xã hội an hòa: Bà đã trải qua các cung bậc của đời người với cả ba yếu tố: Quốc gia - Gia đình - Cá nhân. Về quốc gia, Bà được các triều đại phong kiến từ thời Hậu Lê đến thời nhà Nguyễn cấp nhiều sắc phong như: "*Chế Thắng Hoà Diệu Đại Vương*", "*Mẫu nghi thiên hạ - Mẹ của muôn dân*"; Về gia đình, Bà trải qua hai kiếp: Kiếp đầu liên quan đến chữ hiếu với cha mẹ theo đạo làm con, kiếp thứ hai phục vụ chồng thi đỗ đạt, liên quan đến đạo vợ chồng; Về cá nhân, tại kiếp thứ ba trở đi, Bà hiểu nỗi vui khổ của chúng sinh, không chỉ hết lòng hành thiện mang của cải giúp đỡ những người dân nghèo khó, dùng sức mạnh thần bí trừng trị bọn quan tham tàn ác, mà còn gặp gỡ giới tinh hoa, để hiểu học vấn và khả năng làm những điều thiện tri lớn lao của họ theo hướng "*Văn trị - Lễ trị - Nhân trị - Đức trị*". Giới hiền tài quốc gia sau này đã lập Phủ Tây Hồ thờ Mẫu Liễu Hạnh tại kinh đô Thăng Long, Hà Nội.

Quyên tiếp tục:

- Ngoài ra, người Việt Nam còn đưa vào Đạo Mẫu những vị thần thánh có nguồn gốc từ quyền lực hoàng gia Trung Quốc, ví dụ như:

Theo sử sách, năm 1279, sau thất bại trong trận hải chiến Nhai Sơn, giữa nhà Nguyên (tồn tại 1271 - 1368) và nhà Tống (tồn tại 960 - 1279), vua Tống Đế Bính (Triệu Bính, năm 1271 - 1279, vị hoàng đế thứ 9 và cuối cùng của vương triều Nam Tống, trị vì 5/1278 - 3/1279), khi đó mới 9 tuổi, cùng hoàng tộc và quân thần bỏ chạy ra biển. Do quân Nguyên truy sát và biết không thể thoát, vua Tống, hoàng tộc cùng quần thần đã nhảy xuống biển tuẫn tiết. Bảy ngày sau, có đến hàng ngàn xác chết nổi lên mặt biển. Xác vua Tống Đế Bính cũng ở trong số đó. Có

4 xác trôi về làng chài Cồn Môn (nay thuộc phường Quỳnh Phương, Hoàng Mai, Nghệ An). Người dân theo hình dáng và trang phục biết là người tôn quý nên đắp mộ và dựng ngôi miếu nhỏ để thờ. Sau này, mới biết đó là Thái hậu Dương Nguyệt Quả, là mẹ của vua Tống Đoan Tông (trị vì 1276 - 1278, anh trai của vua Tống Đế Bính), hai công chúa là Triệu Nguyệt Khiêu, Triệu Nguyệt Hương và bà nhũ mẫu. Từ đó, ngôi miếu được xây dựng khang trang hơn, trở thành đền Cồn và còn thờ thêm cả vua Tống Đế Bính cùng các quan đại thần của ngài. Các bà thường hiển linh về giúp nhân dân trong vùng. Năm 1470, vua Lê Thánh Tông (trị vì 1460 - 1479) trên đường mang quân đánh dẹp phương Nam cũng dừng chân tại cửa Cồn và vào đền làm lễ cầu đảo. Sau khi thắng giặc trở về, vua cấp tiền bạc cải tạo đền và phong sắc *"Đại càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương Thượng đẳng thần"*, ghi nhận công đức của Tứ vị Thánh nương giúp nước, giúp dân.

Đền Cồn sau này trở thành đền Mẫu. Đại càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương được thờ vào hàng Châu bà (hàng thứ ba kể từ Tam tòa Thánh Mẫu). Vua Tống Đế Bính được thờ vào hàng ông Hoàng (tiếp sau hàng Châu bà), là ông Hoàng Chín Cồn cai quản vùng biển.

- Chỉ với với những vị thần này, hy vọng người Tàu mới kiêng nể. Tuấn Anh bổ sung.

Quyên tiếp lời:

- Cũng có thể với Đạo Mẫu, những kẻ cầm quyền phương Bắc, từ nhà Thanh trở đi, phải e dè và cẩn trọng hơn khi nhòm ngó các huyệt đạo hay kho báu của người Việt. Song đây là nói về những người có Lễ, Nhân và Đức, còn về kẻ cướp thì chỉ có biện pháp cứng rắn để phòng ngừa.

Quyên nói thêm:

- Với cá nhân em, lúc nào cũng thật sự khâm phục các vị hiền tài xưa, trong việc công phu tìm kiếm các nhân vật, sự kiện, thậm chí rời rạc, cách nhau hàng trăm năm, để dựng lên một truyền thuyết thống nhất với đầy đủ các cung bậc về Đạo Mẫu và Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Một truyền thuyết hay chủ thuyết kết nối văn hóa mà được tất cả các tầng lớp xã hội đồng thuận và tin theo, không phải trong thời kỳ tiền văn minh, mà trong thế kỷ XV - XVII cho đến tận bây giờ.

- Anh cũng đồng ý như vậy!. Tuấn Anh phụ họa.